

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Số: 1886 /ĐHYD-KHTCCSVC

V/v mời chào giá dịch vụ thẩm
định giá cung cấp, lắp đặt điều hoà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 03 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế hiện nay đang có nhu cầu mời các đơn vị tham gia chào giá dịch vụ thẩm định giá gói thầu “Cung cấp, lắp đặt điều hoà nhiệt độ tại tòa nhà K” tại Trường với nội dung như sau:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

2. Danh mục hàng hóa yêu cầu thẩm định giá

Danh mục chi tiết đính kèm.

3. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

- Họ và tên người nhận báo giá: Nguyễn Minh Hải.

- Chức vụ: Chuyên viên Phòng KHTC&CSVC.

- Số điện thoại: 079 9988 959.

- Email: nmhai@huemed-univ.edu.vn.

4. Hồ sơ chào giá

- Thư chào giá dịch vụ thẩm định giá (hoặc bảng phí dịch vụ thẩm định giá).

- Hồ sơ năng lực của đơn vị.

5. Cách thức tiếp nhận báo giá

Nhận trực tiếp tại: Phòng Kế hoạch, Tài chính và Cơ sở vật chất - Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế - Số 06 Ngô Quyền, P. Thuận Hóa, TP. Huế.

6. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trong giờ hành chính, chậm nhất đến 16 giờ 00 phút ngày 08 tháng 04 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

7. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày, kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2026.

Rất mong Quý Công ty quan tâm tham dự.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Website Trường;

- Lưu: VT, KHTC-CSVC.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Khoa Hùng

DANH MỤC HÀNG HÓA

*(Kèm theo Công văn số 1886/ĐHYD-KHTCCSVC ngày 03 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y – Dược, Đại học Huế)*

| STT | Hạng mục/ Công việc | Thương hiệu/ Xuất xứ | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|----------|--|--|-----------|-------------|------------------|---------------------|
| A | Phần thiết bị điều hòa: | | | | | |
| 1 | Điều hòa treo tường 1 chiều lạnh, không Inverter, nguồn 1 Pha, remote không dây Công suất: 3.6KW (1,5 HP) | Mitsubishi Electric / Thái Lan hoặc tương đương | Bộ | 2 | 11.862.720 | 23.725.440 |
| 2 | Điều hòa treo tường 1 chiều lạnh, không Inverter, nguồn 1 Pha, remote không dây Công suất: 5.2KW (2,0 HP) | Mitsubishi Electric / Thái Lan hoặc tương đương | Bộ | 64 | 16.222.680 | 1.038.251.520 |
| B | Phần vật tư: | | | | | |
| I | Đối với máy ĐHKK 1,5 HP | | | | | |
| 1 | Ống đồng Ø6.4mm dày 0.81mm | Hailiang/ Việt Nam hoặc tương đương | m | 20 | 85.800 | 1.716.000 |
| 2 | Ống đồng Ø12.7mm dày 0.81mm | Hailiang/ Việt Nam hoặc tương đương | m | 20 | 181.500 | 3.630.000 |
| 3 | Cách nhiệt D6mm dày 13mm | Superlon/ Việt Nam hoặc tương đương | m | 20 | 11.880 | 237.600 |
| 4 | Cách nhiệt D13mm dày 13mm | Superlon/ Việt Nam hoặc tương đương | m | 20 | 15.120 | 302.400 |
| 5 | Si quân cách âm | Việt Nam hoặc tương đương | Kg | 4 | 43.200 | 172.800 |
| 6 | Ống uPVC - D21 (PN12) | Bình Minh/ Việt Nam hoặc tương đương | m | 16 | 16.200 | 259.200 |
| 7 | Ống uPVC - D27 (PN12) | Bình Minh/ Việt Nam | m | 12 | 22.680 | 272.160 |

| STT | Hạng mục/ Công việc | Thương hiệu/ Xuất xứ | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----------|--|--|--------|----------|---------------|------------------|
| | | hoặc tương đương | | | | |
| 8 | Phụ kiện ống nước: co lơi, T, keo... | | lô | 1 | 160.920 | 160.920 |
| 9 | Dây điện 3 x CV 2,5mm ² kết nối dàn nóng - dàn lạnh | Cadivi/ Việt Nam hoặc tương đương | m | 22 | 56.160 | 1.235.520 |
| 10 | Ống luồn dây điện loại mềm D20mm | Sino/ Việt Nam hoặc tương đương | m | 22 | 5.400 | 118.800 |
| 11 | Giá đỡ dàn nóng treo tường bằng sắt V mạ kẽm | Việt Nam hoặc tương đương | bộ | 2 | 102.600 | 205.200 |
| 12 | Aptomat 1 Pha,20A | Panasonic/ Trung Quốc hoặc tương đương | cái | 2 | 110.160 | 220.320 |
| 13 | Vật tư phụ lắp đặt điều hòa treo tường(vít kê , vít, băng keo, bu lon, cùm inox...) | | máy | 2 | 102.600 | 205.200 |
| II | Đối với máy ĐHKK 2,0 HP | | | | - | - |
| 1 | Ống đồng Ø6.4mm dày 0.81mm | Hailiang/ Việt Nam hoặc tương đương | m | 640 | 81.400 | 52.096.000 |
| 2 | Ống đồng Ø12.7mm dày 0.81mm | Hailiang/ Việt Nam hoặc tương đương | m | 640 | 173.800 | 111.232.000 |
| 3 | Cách nhiệt D6mm dày 13mm | Superlon/ Việt Nam hoặc tương đương | m | 640 | 9.720 | 6.220.800 |
| 4 | Cách nhiệt D13mm dày 13mm | Superlon/ Việt Nam hoặc tương đương | m | 640 | 12.960 | 8.294.400 |
| 5 | Si quân cách âm | Việt Nam hoặc tương đương | Kg | 128 | 41.040 | 5.253.120 |
| 6 | Ống thoát nước ngưng uPVC - D21 (PN12) | Bình Minh/ Việt Nam hoặc tương đương | m | 128 | 15.120 | 1.935.360 |
| 7 | Ống thoát nước ngưng uPVC - D27 (PN12) | Bình Minh/ Việt Nam hoặc tương đương | m | 48 | 21.600 | 1.036.800 |
| 8 | Ống thoát nước ngưng uPVC - D34 (PN12) | Bình Minh/ Việt Nam hoặc tương đương | m | 48 | 52.920 | 2.540.160 |

| STT | Hạng mục/ Công việc | Thương hiệu/ Xuất xứ | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|----------|--|--|--------|----------|---------------|------------------|
| 9 | Ống thoát nước ngưng uPVC - D42 (PN9) | Bình Minh/ Việt Nam hoặc tương đương | m | 48 | 62.640 | 3.006.720 |
| 10 | Phụ kiện ống nước: co lồi, T, keo... | Việt Nam hoặc tương đương | lô | 1 | 2.571.480 | 2.571.480 |
| 11 | Dây điện 3 x 1CV 2,5mm ² kết nối dàn nóng - dàn lạnh | Cadivi/ Việt Nam hoặc tương đương | m | 704 | 56.160 | 39.536.640 |
| 12 | Ống luồn dây điện loại mềm D20mm | Sino/ Việt Nam hoặc tương đương | m | 704 | 5.400 | 3.801.600 |
| 13 | Giá đỡ dàn nóng treo tường bằng sắt V mạ kẽm | Việt Nam hoặc tương đương | bộ | 64 | 186.840 | 11.957.760 |
| 14 | Aptomat 1 Pha,20A | Panasonic/ Trung Quốc hoặc tương đương | cái | 64 | 110.160 | 7.050.240 |
| 15 | Vật tư phụ lắp đặt điều hòa treo tường(vít kê , vít, băng keo, bu lon, cùm inox...) | | máy | 64 | 102.600 | 6.566.400 |
| C | Phần dịch vụ thi công lắp đặt: | | | | - | - |
| I | Đối với máy ĐHKK 1,5 HP | | | | - | - |
| 1 | Lắp đặt máy điều hòa treo tường 1,5 HP | | bộ | 2 | 729.000 | 1.458.000 |
| 2 | Khoan rút lõi tường để đặt ống đồng và ống thoát nước ngưng | | lỗ | 2 | 162.000 | 324.000 |
| 3 | Trám trít, chống thấm cho các chỗ ống đồng | | lỗ | 64 | 108.000 | 6.912.000 |
| 4 | Lắp đặt ống đồng Ø6.4mm dày 0.81mm | | m | 20 | 29.160 | 583.200 |
| 5 | Lắp đặt ống đồng Ø12.7mm dày 0.81mm | | m | 20 | 29.160 | 583.200 |
| 6 | Lắp đặt cách nhiệt D6mm dày 13mm | | m | 20 | 15.120 | 302.400 |
| 7 | Lắp đặt cách nhiệt D13mm dày 13mm | | m | 20 | 15.120 | 302.400 |
| 8 | Lắp đặt si quần cách âm | | kg | 4 | 21.600 | 86.400 |
| 9 | Lắp đặt ống thoát nước ngưng uPVC - D21 (PN12) | | m | 16 | 21.600 | 345.600 |
| 10 | Lắp đặt ống thoát nước ngưng uPVC - D27 (PN12) | | m | 12 | 25.920 | 311.040 |
| 11 | Lắp đặt Phụ kiện ống nước: co lồi, T, keo... | | lô | 1 | 291.600 | 291.600 |
| 12 | Lắp đặt Dây điện 3 x CV 2,5mm ² kết nối dàn nóng - dàn | | m | 22 | 15.120 | 332.640 |

| STT | Hạng mục/ Công việc | Thương hiệu/ Xuất xứ | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----------|--|-------------------------|--------|----------|---------------|------------------|
| | lạnh | | | | | |
| 13 | Lắp đặt Ống luồn dây điện loại mềm D20mm | | m | 22 | 7.560 | 166.320 |
| 14 | Lắp đặt Giá đỡ dàn nóng treo tường bằng sắt V mạ kẽm | | bộ | 2 | 58.320 | 116.640 |
| 15 | Lắp đặt Aptomat 1 Pha,20A | | cái | 2 | 44.280 | 88.560 |
| 16 | Đầu kết nối đường thoát nước vào trực thoát nước mưa | | trục | 1 | 108.000 | 108.000 |
| 17 | Cắt đục nền bê tông để chôn ống thoát nước và hoàn trả nền bê tông | | trục | 1 | 1.620.000 | 1.620.000 |
| 18 | Lắp đặt dàn giáo thi công | | gói | 1 | 1.458.000 | 1.458.000 |
| II | Đôi với máy ĐHKK 2,0 HP | | | | - | - |
| 1 | Lắp đặt máy điều hòa treo tường 2,0 HP | | bộ | 64 | 810.000 | 51.840.000 |
| 2 | Khoan rút lõi tường để đặt ống đồng và ống thoát nước ngưng | | lỗ | 64 | 162.000 | 10.368.000 |
| 3 | Trám trít, chống thấm cho các chỗ ống đồng | | lỗ | 64 | 108.000 | 6.912.000 |
| 4 | Lắp đặt ống đồng Ø6.4mm dày 0.81mm | | m | 640 | 32.400 | 20.736.000 |
| 5 | Lắp đặt ống đồng Ø12.7mm dày 0.81mm | | m | 640 | 32.400 | 20.736.000 |
| 6 | Lắp đặt cách nhiệt D6mm dày 13mm | | m | 640 | 16.200 | 10.368.000 |
| 7 | Lắp đặt cách nhiệt D13mm dày 13mm | | m | 640 | 16.200 | 10.368.000 |
| 8 | Lắp đặt si quần cách âm | | kg | 128 | 24.840 | 3.179.520 |
| 9 | Lắp đặt ống thoát nước ngưng uPVC - D21 (PN12) | | m | 128 | 24.840 | 3.179.520 |
| 10 | Lắp đặt ống thoát nước ngưng uPVC - D27 (PN12) | | m | 48 | 29.160 | 1.399.680 |
| 11 | Lắp đặt Ống thoát nước ngưng uPVC - D34 (PN12) | | m | 48 | 32.400 | 1.555.200 |
| 12 | Lắp đặt Ống thoát nước ngưng uPVC - D42 (PN9) | | m | 48 | 41.040 | 1.969.920 |
| 13 | Phụ kiện ống nước: co lơi, T, keo... | | lô | 1 | 2.592.000 | 2.592.000 |
| 14 | Lắp đặt Dây điện 3 x CV 2,5mm ² kết nối dàn nóng - dàn lạnh | | m | 704 | 16.200 | 11.404.800 |
| 15 | Lắp đặt Ống luồn dây điện loại mềm D20mm | | m | 704 | 8.640 | 6.082.560 |
| 16 | Lắp đặt Giá đỡ dàn nóng treo tường bằng sắt V mạ kẽm | | bộ | 64 | 64.800 | 4.147.200 |
| 17 | Lắp đặt Aptomat 1 Pha,20A | | cái | 64 | 48.600 | 3.110.400 |
| 18 | Đầu kết nối đường thoát nước vào trực thoát nước mưa | | trục | 8 | 108.000 | 864.000 |

| STT | Hạng mục/ Công việc | Thương hiệu/ Xuất xứ | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá (VND) | Thành tiền (VND) |
|------------|--|-------------------------|-----------|-------------|------------------|----------------------|
| 19 | Cắt đục nền bê tông để chôn ống thoát nước và hoàn trả nền bê tông | | trục | 8 | 1.620.000 | 12.960.000 |
| 20 | Lắp đặt dàn giáo thi công | | gói | 1 | 4.860.000 | 4.860.000 |
| III | Hướng dẫn sử dụng, nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng | | gói | 1 | 10.800.000 | 10.800.000 |
| | Tổng giá trị bao gồm VAT | | | | | 1.548.635.360 |

(Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn, ba trăm sáu mươi đồng./.)

Lưu ý: Giá trên đã bao gồm VAT, vận chuyển, lắp đặt. Bảo hành chính hãng theo tiêu chuẩn Nhà sản xuất.